

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA DĨ AN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2015 ĐẾN NGÀY 26 THÁNG 1 NĂM 2016.**

và

**Phụ lục Báo cáo tài chính tháng năm 2015 cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam**

Bình Dương - Tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xe lửa Dĩ An trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 26/01/2016.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xe lửa Dĩ An (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Công ty được thành lập theo Quyết định số 1025/QĐ/TCCB-LĐ ngày 27/5/1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4606000002 (số cũ 100208) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 09/8/1993. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty TNHH Một thành viên số 3700146539 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 7 tháng 7 năm 2011.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Thành viên Ông Phạm Hồng Phi Chủ tịch

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Khiên	Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Thố	Phó Giám đốc (Đã nghỉ hưu)
	Ông Phạm Đức Vinh	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Tâm	Phó Giám đốc (Đã nghỉ hưu)
	Ông Nguyễn Nhất Thắng	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Hoán	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 27 tháng 01 năm 2016, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần.

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoại trừ yếu tố đã được nêu ở trên, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 26/01/2016.

Tại ngày phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty TNHH Một Thành viên Xe lửa Dĩ An đã được chuyển thành Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An, do đó Báo cáo tài chính kèm theo được ký bởi Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An. Đồng thời sử dụng con dấu của Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An để đóng dấu Báo cáo Kiểm toán này do con dấu của Công ty TNHH MTV đã được thu hồi theo quy định.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 26/01/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Khiên
Giám đốc

Bình Dương, ngày 14 tháng 3 năm 2016



Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Tầng 11, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á,
Số 201 - 203 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

T +84 (8) 3 832 9969

F +84 (8) 3 832 9959

E info@cpavietnam.vn

W http://cpavietnam.vn

Số: 89/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 26/01/2016 của Công ty TNHH Một thành viên Xe lửa Dĩ An

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Xe lửa Dĩ An

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xe lửa Dĩ An, được lập ngày 14 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 26/01/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 26/01/2016 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 26 tháng 01 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 26/01/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Số liệu tại ngày 01/01/2015 đã được điều chỉnh theo giá trị doanh nghiệp đã được định giá lại cho mục đích cổ phần hóa và đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt theo Quyết định 2349/QĐ-BGTVT ngày 30/06/2015.

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 26/01/2016 cho mục đích cổ phần hóa Công ty chuyển đổi từ Công ty 100% vốn Nhà nước sang mô hình Công ty cổ phần, do đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính đã được xử lý theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần.

Phụ lục 1,2 từ trang 27 đến trang 37 được Công ty trình bày cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Các Phụ lục này đã được kiểm toán cho mục đích kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0779-2015-137-1
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Tiên Trinh
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1806-2015-137-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA DĨ AN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 26/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CẢ NĂM 2015 CHO MỤC ĐÍCH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		125.857.874.615	124.430.502.129
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	24.622.095.557	33.689.299.396
1. Tiền	111		10.622.095.557	11.689.299.396
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	22.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.580.120.695	3.148.275.040
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		21.053.049.248	2.766.026.908
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		40.920.000	314.048.680
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	2	486.151.447	68.199.452
IV- Hàng tồn kho	140	3	79.655.658.363	87.592.927.693
1. Hàng tồn kho	141		79.655.658.363	87.592.927.693
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		34.781.968.359	32.736.404.256
I Các khoản phải thu dài hạn	210		1.167.941.667	1.336.900.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	2	1.167.941.667	1.336.900.000
II Tài sản cố định	220		31.275.061.175	29.060.538.739
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4	31.275.061.175	29.057.916.503
- Nguyên giá	222		86.019.978.630	83.135.544.010
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.744.917.455)	(54.077.627.507)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5	-	2.622.236
- Nguyên giá	228		44.659.960	44.659.960
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(44.659.960)	(42.037.724)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		2.338.965.517	2.338.965.517
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6	2.338.965.517	2.338.965.517
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		160.639.842.974	157.166.906.385

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA DĨ AN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 26/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ B 09-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		93.915.073.162	91.004.170.007
I- Nợ ngắn hạn	310		43.185.354.765	40.239.651.610
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		11.807.642.632	9.332.268.476
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.368.956.783	3.908.802.512
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	7	5.147.285.337	2.420.251.012
4. Phải trả người lao động	314		7.607.503.326	9.119.294.308
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	8	6.583.921.475	6.186.982.022
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	9	5.363.428.746	6.702.279.253
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.306.616.466	2.569.774.027
II- Nợ dài hạn	330		50.729.718.397	50.764.518.397
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	10	50.000.000.000	50.000.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	9	729.718.397	764.518.397
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		66.724.769.812	66.162.736.378
I- Vốn chủ sở hữu	410	11	66.724.769.812	66.162.736.378
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.716.558.499	13.832.123.880
6. Chênh lệch đánh giá tài sản	416		36.802.906.056	36.802.906.056
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.130.465.856	15.325.776.740
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		337.486	337.486
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		74.501.915	201.592.216
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	201.592.216
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		74.501.915	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		160.639.842.974	157.166.906.385

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA DĨ AN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 26/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	98.384.763.486	59.924.845.467
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	12	98.384.763.486	59.924.845.467
4. Giá vốn hàng bán	11	13	92.955.069.521	53.575.740.164
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.429.693.965	6.349.105.303
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	1.271.814.297	1.924.651.022
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	15	654.875.384	478.185.165
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16	3.110.099.708	2.237.674.894
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		2.936.533.170	5.557.896.266
11. Thu nhập khác	31	17	2.344.392.964	2.621.157.337
12. Chi phí khác	32	17	2.344.392.964	2.798.907.153
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-	(177.749.816)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.936.533.170	5.380.146.450
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	646.037.297	1.212.212.197
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.290.495.873	4.167.934.253

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.936.533.170	5.380.146.450
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSDT	02	669.912.184	441.565.560
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.271.814.297)	(1.924.651.022)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	2.334.631.057	3.897.060.988
- Biến động các khoản phải thu	09	(18.262.887.322)	18.988.505.940
- Biến động hàng tồn kho	10	7.937.269.330	(16.463.770.750)
- Biến động các khoản phải trả	11	1.959.299.171	(9.997.825.026)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	-	(33.810.983)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.431.275.752)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	121.180.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(112.800.000)	(1.290.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(7.454.583.516)</i>	<i>(4.899.839.831)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.884.434.620)	(385.101.839)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.271.814.297	1.924.651.022
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(1.612.620.323)</i>	<i>1.539.549.183</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(9.067.203.839)	(3.360.290.648)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	33.689.299.396	37.049.590.044
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	<u>24.622.095.557</u>	<u>33.689.299.396</u>

1791
 TNHH
 AN
 ANH
 MINH
 1-VIET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

PHỤ LỤC 2: THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CẢ NĂM 2015 CHO MỤC ĐÍCH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	200.374.251	7.905.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.421.721.306	11.681.394.396
Tương đương tiền	14.000.000.000	22.000.000.000
Tổng	24.622.095.557	33.689.299.396

2. Phải thu khác

	26/01/2016		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	486.151.447	-	68.199.452	-
- Phải thu về cổ phần hóa	378.257.273	-	-	-
- Tạm ứng	107.894.174	-	68.199.452	-
b) Dài hạn	1.167.941.667	-	1.336.900.000	-
- Ký cược, ký quỹ	1.167.941.667	-	1.336.900.000	-
Tổng	1.654.093.114	-	1.405.099.452	-

3. Hàng tồn kho

	26/01/2016		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.616.224.219	-	11.791.239.661	-
Công cụ, dụng cụ	217.802.030	-	285.424.565	-
Chi phí SX KDDD	2.276.082.058	-	11.970.713.467	-
Hàng hóa bất động sản	63.545.550.056	-	63.545.550.000	-
Tổng	79.655.658.363	-	87.592.927.693	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA ĐĨ AN
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 26/01/2016
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

4. Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Đơn vị tính: VND	
						Tổng	
Số dư tại 01/01/2015	59.881.810.445	15.755.316.832	4.621.385.910	66.264.000	2.810.766.823	83.135.544.010	
Tăng trong kỳ	2.390.746.462	493.688.158	-	-	-	2.884.434.620	
Mua trong kỳ	2.390.746.462	493.688.158	-	-	-	2.884.434.620	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại 26/01/2016	62.272.556.907	16.249.004.990	4.621.385.910	66.264.000	2.810.766.823	86.019.978.630	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2015	38.364.619.085	11.289.740.548	3.291.107.073	3.313.200	1.128.847.601	54.077.627.507	
Tăng trong kỳ	359.316.244	261.916.336	41.539.368	4.518.000	-	667.289.948	
Khấu hao trong kỳ	359.316.244	261.916.336	41.539.368	4.518.000	-	667.289.948	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại 26/01/2016	38.723.935.329	11.551.656.884	3.332.646.441	7.831.200	1.128.847.601	54.744.917.455	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2015	21.517.191.360	4.465.576.284	1.330.278.837	62.950.800	1.681.919.222	29.057.916.503	
Tại ngày 26/01/2016	23.548.621.578	4.697.348.106	1.288.739.469	58.432.800	1.681.919.222	31.275.061.175	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2015	44.659.960	44.659.960
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 26/01/2016	44.659.960	44.659.960
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2015	42.037.724	42.037.724
Tăng trong kỳ	2.622.236	2.622.236
Khấu hao trong năm	2.622.236	2.622.236
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 26/01/2016	44.659.960	44.659.960
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2015	2.622.236	2.622.236
Tại 26/01/2016	-	-

6. Chi phí trả trước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	2.338.965.517	2.338.965.517
- Công cụ dụng cụ	134.991.477	134.991.477
- Lợi thế kinh doanh	2.203.974.040	2.203.974.040
Tổng	2.338.965.517	2.338.965.517

7. Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước

	01/01/2015	Số phát sinh tăng trong kỳ	Số phát sinh giảm trong kỳ	26/01/2016
Phải nộp	2.420.251.012	11.103.867.130	8.376.832.805	5.147.285.337
Thuế GTGT	1.153.478.575	10.068.816.533	6.526.538.344	4.695.756.764
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.213.712.448	656.562.294	1.431.275.752	438.998.990
Thuế thu nhập cá nhân	53.059.989	8.819.207	49.349.613	12.529.583
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	312.824.344	312.824.344	-
Các loại thuế khác	-	56.844.752	56.844.752	-
Phải thu	-	-	-	-
Số thuế còn lại	2.420.251.012	11.103.867.130	8.376.832.805	5.147.285.337

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA DĨ AN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 26/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

8. Chi phí phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bảo hành sản phẩm	6.583.921.475	6.186.982.022
	6.583.921.475	6.186.982.022
Tổng	6.583.921.475	6.186.982.022

9. Phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	5.363.428.746	6.702.279.253
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	24.880.720	-
	5.338.548.026	6.702.279.253
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	729.718.397	764.518.397
	729.718.397	764.518.397
Tổng	6.093.147.143	7.466.797.650

(*) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	2.438.500.740	4.439.300.740
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chuyên	-	397.022.122
Phải trả, phải nộp khác	2.900.047.286	1.865.956.391
Tổng	5.338.548.026	6.702.279.253

10. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Doanh thu chưa thực hiện trình bày kết quả lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác liên doanh giữa Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An và Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Á Châu và Công ty được chia đất thương mại theo thỏa thuận. Đất thương mại (lợi nhuận từ hoạt động liên doanh) được chia Công ty chưa thực hiện chuyển nhượng do Công ty chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý về đất đai, theo đó, thu nhập từ hoạt động liên doanh được ghi nhận (tạm thời) là doanh thu chưa thực hiện và theo giá trị góp vốn trên hợp đồng hợp tác liên doanh là 50.000.000.000 đồng. Chênh lệch giữa giá trị góp vốn và giá trị thực tế của hàng hóa bất động sản sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi Công ty thực hiện việc định giá và chuyển nhượng các lô đất và khi đó Công ty sẽ thực hiện các trách nhiệm về thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA ĐĨ AN
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 26/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

11. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	9.037.676.781	20.349.415.318	167.830.643	337.486	(3.966.342.037)	25.588.918.191	
Tăng trong năm	4.794.447.099	36.802.906.056	-	-	4.167.934.253	45.765.287.408	
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	4.167.934.253	4.167.934.253	
Tăng vốn	4.794.447.099	-	-	-	-	4.794.447.099	
Đánh giá lại cho mục đích cổ phần hóa DN	-	36.802.906.056	-	-	-	36.802.906.056	
Giảm trong năm	-	-	5.191.469.221	-	-	5.191.469.221	
Chuyển về Tổng Công ty	-	-	397.022.122	-	-	397.022.122	
Tăng vốn	-	-	4.794.447.099	-	-	4.794.447.099	
Số dư tại 31/12/2014	13.832.123.880	36.802.906.056	15.157.946.097	167.830.643	337.486	66.162.736.378	
Phân loại lại theo Thông tư số 200	-	-	167.830.643	(167.830.643)	-	-	
Số dư tại 01/01/2015	13.832.123.880	36.802.906.056	15.325.776.740	-	337.486	66.162.736.378	
Tăng trong kỳ	2.884.434.619	-	689.123.735	-	-	5.864.054.227	
Phân phối lợi nhuận	-	-	689.123.735	-	-	689.123.735	
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	2.290.495.873	
Tăng vốn	2.884.434.619	-	-	-	-	2.884.434.619	
Giảm trong kỳ	-	-	2.884.434.619	-	-	5.302.020.793	
Phân phối quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	689.123.735	
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	1.728.462.439	
Tăng vốn	-	-	2.884.434.619	-	-	2.884.434.619	
Số dư tại 31/12/2015	16.716.558.499	36.802.906.056	13.130.465.856	-	337.486	66.724.769.812	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA ĐĨ AN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 26/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

12. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
a) Doanh thu	98.384.763.486	59.924.845.467
Doanh thu bán hàng	98.384.763.486	59.924.845.467
Tổng	98.384.763.486	59.924.845.467

13. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	92.955.069.521	53.575.740.164
Tổng	92.955.069.521	53.575.740.164

14. Doanh thu tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.271.814.297	1.924.651.022
Tổng	1.271.814.297	1.924.651.022

15. Chi phí bán hàng

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí bằng tiền khác	654.875.384	478.185.165
Tổng	654.875.384	478.185.165

16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	442.000.000	-
Chi phí vật liệu quản lý	31.089.175	38.265.037
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	191.345.328
Chi phí khấu hao TSCĐ	549.336.285	554.438.427
Thuế phí và lệ phí	301.597.739	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.135.000	12.214.562
Chi phí bằng tiền khác	1.732.941.509	1.441.411.540
Tổng	3.110.099.708	2.237.674.894



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA ĐĨ AN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 26/01/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

17. Hoạt động khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Các khoản khác	2.344.392.964	2.621.157.337
Tổng	2.344.392.964	2.621.157.337
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản khác	2.344.392.964	2.798.907.153
Tổng	2.344.392.964	2.798.907.153
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	-	(177.749.816)

18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.936.533.170	5.380.146.450
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	-	129.908.991
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	-	129.908.991
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	2.936.533.170	5.510.055.441
Thu nhập tính thuế	2.936.533.170	5.510.055.441
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	22%	22%
Thuế TNDN hiện hành	646.037.297	1.212.212.197

